

Số: 18/2017/QĐST-HNGĐ

Krông Pa, ngày 02 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017, giữa:

+ *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1981.

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 9, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

+ *Bị đơn*: Anh Lê Văn C, sinh năm 1973;

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 9, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 69, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2017,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lê Văn C.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con:** Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lê Văn C có 03 con tên là Lê Nguyễn Hoài X, sinh ngày 26/4/2004; Lê Nguyễn Mai H, sinh ngày 22/02/2008 và Lê Nguyễn Đăng K, sinh ngày 26/4/2010; các đương sự thống nhất giao 03 con chung cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ ngày 25/7/2017 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Tòa án đã giải thích cho chị Nguyễn Thị Thu T biết quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con vì lợi ích của con của người trực tiếp nuôi con nhưng chị Nguyễn Thị Thu T vẫn không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con là anh Lê Văn C phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy hiện tại anh Lê Văn C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Lê Văn C được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu anh Lê Văn C lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Thu T cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Tòa án tiến hành hoà giải các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án thì chỉ phải chịu 50% mức án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ x 50% = 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 75.000đ và anh Lê Văn C phải chịu 75.000đ. Chị Nguyễn Thị Thu T tự nguyện nộp toàn bộ án phí là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) cả phần của anh Lê Văn C nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp trước đây là 300.000đ (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005844 ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu T 300.000đ - 150.000đ = 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng Kiểm tra NV và THA TAND tỉnh (01 bản);
- VKSND huyện Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- UBND thị trấn Phú Túc (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản).

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA
Thẩm Phán

Ksor Pep